



KẾ TOÁN MÔ PHỎNG

(KẾ TOÁN ẢO)

(Viết theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC)



GV. Lê Trung Hiệp

Số ĐT: 0907 009445

Mail: letrunghiepvlg@gmail.com hoặc

letrunghiepvlg@yahoo.com

Blog nghiệp vụ tại địa chỉ:

<http://vn.myblog.yahoo.com/ketoanvietnam2008>



HỆ THỐNG THỰC HÀNH KẾ TOÁN MÔ PHỎNG (KẾ TOÁN ẢO)

SV chú ý: Pho tô trước các tài liệu (làm cho 01 bài tập):

Phiếu thu 10 tờ

Phiếu chi 10 tờ

Hóa đơn bán hàng (GTGT): 5 tờ

Phiếu nhập kho 10 tờ

Phiếu xuất kho 10 tờ

Ủy nhiệm chi: 4 tờ

Biên bản đối chiếu công nợ: 04 tờ

Giấy báo Nợ: 04 tờ

Giấy báo Có: 04 tờ

Bảng chấm công: 4 tờ

Bài làm hoàn thành:

Đóng lại thành cuốn theo thứ tự:

1. Bìa nilon

2. Bìa màu

3. Bìa lót

4. Hệ thống chứng từ ban đầu theo thứ tự thời gian

5. Nhật ký chung (in trên Acsoft)

6. Sổ chi phí SX KD, sổ doanh thu (in trên Acsoft)

7. Thẻ tính giá thành (in trên Acsoft)

8. Thứ tự các sổ cái (từ TK loại 1 đến TK loại 9 và TK ngoài bảng) (in trên Acsoft)

9. Hệ thống BC tài chính (in trên Acsoft)

10. Báo cáo thuế GTGT (in trên Acsoft) và các bảng kê khác theo trình tự các phần hành có liên quan.

(SV tự động hoán chuyển vị trí không theo trật tự thống nhất được xem là bài làm vi phạm tính nhất quán trong kế toán)

Đóng lại thành cuốn (khi nộp cho GV). Trên tờ bìa có đủ các yếu tố:

Tên trường:

Khoa:

**HỆ THỐNG THỰC HÀNH
PHÒNG KẾ TOÁN ẢO SỐ**

GV hướng dẫn và nghiệm thu:

GV:

GV:

Họ và tên các thành viên trong nhóm:

1. chức vụ:

2. chức vụ:
3. chức vụ:
4. chức vụ:
5. chức vụ:
6. chức vụ:

----- Năm 2009 -----

KẾ TOÁN MÔ PHỎNG **(Phòng kế toán ảo – đề số: 01 bắt buộc)**

Công ty Thái Bình Dương là một doanh nghiệp sản xuất các loại nhựa.
Áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung
Phương tiện phục vụ kế toán: Phần mềm kế toán Acsoft theo QĐ số 15
Thuế GTGT thực hiện theo phương pháp khấu trừ (thuế suất 10%)
Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.
Tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền tức thời.
Tính giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.
Tiền tệ áp dụng: VNĐ
Mã số thuế: 1234567890
Địa chỉ: Số 02 đường X, khu công nghiệp Y, TP.HCM
Số điện thoại: 08.8888888

Tổ chức bộ máy kế toán: (05 CB làm công tác kế toán)

- 01 kế toán vốn bằng tiền & tiền vay (Tiền mặt, tiền gửi, tiền vay & tiền đang chuyển)
- 01 kế toán công nợ (nợ phải thu & nợ phải trả – chủ yếu: phải thu khách hàng, phải trả người bán & Thuế và các khoản phải nộp nhà nước) + kế toán tiền lương – BHXH, BHYT, KPCĐ
- 01 kế toán doanh thu & thu nhập, chi phí hoạt động KD và hoạt động khác, kế toán hàng tồn kho.

-01 kế toán tổng hợp kiêm chi phí SX và giá thành (xử lý các số liệu kết chuyển và xử lý số liệu trên phần mềm máy tính)
 -01 kế toán trưởng
 Giám định: Giám đốc Công ty: Trần Thanh Long
 Thủ quỹ: Lê Thị Su
 Quản đốc PXSX: Đặng Vũ Phong
 Thủ kho: Lê Thị Hải

PHẦN I: KHAI BÁO VÀ NHẬP SỐ DƯ ĐẦU KỲ:

1.Khai báo tài khoản đồng cấp:

Nhóm 1: Nhóm TK tổng hợp: 151, 155, 1561 và các TK nhóm 5 (loại trừ các TK: 5113, 515), 632, 9111

Nhóm 2: Nhóm TK giá thành: 3341, 154, 6211, 622

2.Khai báo chi tiết tài khoản:

TK 154 Mã cấp 1: 154a Sản phẩm vĩ nhựa

TK 155 Mã cấp 1: 155a Thành phẩm vĩ nhựa

3.Khai báo tài sản cố định hữu hình:

Loại tài sản	Bộ phận quản lý	Tách nguồn
Nhà xưởng SX	Bộ phận sản xuất	Không
Thiết bị SX nhựa	Bộ phận bán hàng	Không
TSCĐ khác trong PXSX	Bộ phận quản lý DN	Không
Xe tải nhẹ		Không
Hệ thống máy vi tính		Không

4.Khai báo khoản mục phí:

Cấp 1	Tên cấp 1	Cấp 2	Tên cấp 2
01	Chi phí tiền lương		
02	Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ		
03	Chi phí công cụ, dụng cụ		
04	Chi phí khấu hao TSCĐ		
05	Chi phí bưu điện		
06	Chi phí điện, nước		
07	Thuế, phí, lệ phí		
08	Chi phí quảng cáo		
09	Công tác phí		
10	Chi phí khác		

5.Khai báo chế độ thuế GTGT đang áp dụng (khấu trừ)

6.Nhập số dư đầu kỳ của các tài khoản:

Tại thời điểm 31/12/2007 có thông tin về số dư các tài khoản như sau:

-Ngày nhập dữ liệu: 01/01/2009

-Ngày nhập số dư: 31/12/2008

-TK 1111 (dư Nợ) 8.880.000 đ

-TK 1121 (dư Nợ)

Chi tiết: Ngân hàng Công thương TP.HCM (Mã cấp 1: 01) 134.900.000 đ

-TK 131 (dư Nợ), Chi tiết cho từng khách hàng:

Công ty N (Mã cấp 1: 02) 28.200.000 đ

Công ty Dược TP.HCM (Mã cấp 1: 03) 0 đ

-TK 141 chi tiết (dư Nợ):

Nguyễn Văn Tèo (Mã cấp 1: 04) 1.500.000 đ

-TK 1521

Mã	Tên NVL	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
152a	Màng nhựa	Kg	1.125	20.000	22.500.000

-TK 155

Mã	Tên NVL	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
155a	Ví nhựa (Thành phẩm)	Cái	600	460	276.000

-TK 211 (dư Nợ), cụ thể:

❖ TK 2111

TSCĐ là nhà xưởng SX (*sử dụng tại phân xưởng*): Nguyên giá **135.000.000 đ** đã khấu hao 9.000.000 đ giá trị còn lại **126.000.000 đ**, số năm dự kiến sử dụng 15 năm, đưa vào sử dụng ngày 31/12/2006, thời điểm tính khấu hao 01/01/2009 (6274). TSCĐ này hình thành từ vốn đầu tư của chủ sở hữu.

❖ TK 2112

TSCĐ là thiết bị SX nhựa (*sử dụng tại phân xưởng*): Nguyên giá **15.000.000 đ** đã khấu hao 3.000.000 đ giá trị còn lại **12.000.000 đ**, số năm dự kiến sử dụng 05 năm, đưa vào sử dụng ngày 31/12/2006, thời điểm tính khấu hao 01/01/2009 (6274). TSCĐ này hình thành từ vốn đầu tư của chủ sở hữu.

❖ TK 2113

TSCĐ là 01 xe tải nhẹ (*dùng trong bán hàng*): Nguyên giá **120.000.000 đ** đã khấu hao 12.000.000 đ giá trị còn lại **108.000.000 đ**, số năm dự kiến sử dụng 10 năm, đưa vào sử dụng ngày 31/12/2006, thời điểm tính khấu hao 01/01/2009 (6414). TSCĐ này hình thành từ vốn đầu tư của chủ sở hữu.

❖ TK 2114

TSCĐ là 01 Hệ thống máy vi tính (*dùng trong quản lý doanh nghiệp*): Nguyên giá **15.000.000 đ** đã khấu hao 250.000 đ giá trị còn lại **14.750.000 đ**, số năm dự kiến sử dụng 05 năm, đưa vào sử dụng ngày 31/12/2006, thời điểm tính khấu hao 01/01/2009 (6424). TSCĐ này hình thành từ vốn đầu tư của chủ sở hữu.

❖ TK 2118

TSCĐ khác là thiết bị ép nhựa và cắt nhựa (*sử dụng tại phân xưởng*): Nguyên giá **23.250.000 đ** đã khấu hao 4.650.000 đ giá trị còn lại **18.600.000 đ**, số năm dự kiến sử dụng 05 năm, đưa vào sử dụng

ngày 31/12/2006, thời điểm tính khấu hao 01/01/2009 (6274). TSCĐ này hình thành từ vốn đầu tư của chủ sở hữu.

-TK 2141 28.900.000 đ (dư Có)
 -TK 331 (dư Có)
 Công ty điện lực TP.HCM (mã cấp 1: 07) 0 đ
 Công ty Thương mại HG Tp.HCM (mã cấp 1: 08) 10.332.000 đ
 -TK 33311 5.840.000 đ (dư Có)
 -TK 4111 454.114.000 đ (dư Có)
 -TK 4211 5.320.000 đ (dư Có)

Tổng cộng TK dư Nợ = TK dư Có = 504.506.000 đ (Trên bảng CĐSPS)

Đầu kỳ kế toán:

Kế toán tổng hợp: Nhập các số liệu, khai báo toàn bộ hệ thống số liệu kế toán đầu kỳ vào phần mềm kế toán

PHẦN II: NHẬP SỐ PHÁT SINH TRONG KỲ: (phát sinh tháng 01/2009)

Nghiệp vụ 01:

Ngày 03/01/2009 phiếu nhập kho số nhập vật liệu theo hóa đơn số 0054756 ngày 03/01/2009 của công ty thương mại HG (tiền chưa thanh toán):

Tên vật liệu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Màng nhựa	kg	1.000	20.000	20.000.000
Thuế GTGT 10%				2.000.000
Tổng cộng:				22.000.000

Chứng từ sử dụng: hóa đơn của bên bán, phiếu nhập kho, hợp đồng kinh tế (nếu có)

Kích bản: giá định phòng kế toán tiếp nhận hóa đơn của người bán do áp tải chuyển đến, kế toán công nợ và kế toán kho (lập phiếu nhập kho) tiếp nhận số liệu, sau đó thông tin về kế toán tổng hợp.

Mối quan hệ của hệ thống kế toán: Kế toán Công nợ + Kế toán kho + Kế toán tổng hợp (nhập số liệu vào máy tính)

Nghiệp vụ 02:

Ngày 08/01/2009 Phiếu nhập kho số Kèm phiếu chi số , mua vật liệu là bao bì theo hóa đơn số 054 ngày 08/01/2009 của công ty thương mại HG:

Mã số	Tên vật liệu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
152b	Bao bì (TK 1528)	kg	10	15.000	150.000
	Thuế GTGT 10%				15.000
	Tổng cộng:				165.000

Chứng từ sử dụng: hóa đơn của bên bán, phiếu nhập kho, phiếu chi, hợp đồng kinh tế (nếu có)

Kích bản: giá định phòng kế toán tiếp nhận hóa đơn của người bán do áp tải và người đại diện bên bán chuyển đến, kế toán quỹ (lập phiếu chi) và kế toán kho (lập phiếu nhập kho) tiếp nhận số liệu, sau đó

thông tin về kế toán tổng hợp.

Mối quan hệ của hệ thống kế toán: Kế toán quỹ + Kế toán kho + Kế toán tổng hợp (nhập số liệu vào máy tính)

Nghiệp vụ 03:

Ngày 09/01/2009 Phiếu xuất kho số Xuất vật liệu theo yêu cầu của PXSX ngày 09/01/2009:

Tên vật liệu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Màng nhựa	kg	1.500	20.000	30.000.000

Chứng từ sử dụng: phiếu yêu cầu (của PXSX), phiếu xuất kho

Kịch bản: phòng kế toán tiếp nhận phiếu yêu cầu xuất VL của đại diện PXSX, kế toán kho tiến hành viết phiếu XK

Mối quan hệ của hệ thống kế toán: Kế toán kho + Kế toán tổng hợp (nhập số liệu vào máy tính)

Nghiệp vụ 04:

Ngày 11/01/2009 thông báo cấp vốn từ ngân sách của Phòng Công sản Sở TCVG Tp.HCM, giấy báo Có TK TGNH (ngân hàng công thương TP.HCM): 60.000.000 đ

Chứng từ sử dụng: thông báo cấp vốn của Sở TCVG, giấy báo Có của ngân hàng

Kịch bản: phòng kế toán tiếp nhận thông báo cấp vốn của Sở TCVG, giấy báo Có của ngân hàng, kế toán TGNH và kế toán tổng hợp tiếp nhận số liệu.

Mối quan hệ của hệ thống kế toán: Kế toán tiền gửi + Kế toán tổng hợp (nhập số liệu vào máy tính)

Nghiệp vụ 05:

Ngày 12/01/2009 Giấy báo Nợ TK TGNH của ngân hàng công thương trả theo hóa đơn 05476, biên bản giao nhận TSCĐ số 101_BBGN, thẻ TSCĐ số ... (dự kiến sử dụng 05 năm tại PX):

Loại TSCĐ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Xe tải nhẹ	chiếc	01	60.000.000	60.000.000
Thuế GTGT 10%				6.000.000
Tổng cộng:				66.000.000

Biết: xe tải nhẹ mua sắm bằng tiền vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chứng từ sử dụng: hóa đơn của bên bán, biên bản giao nhận TSCĐ, giấy báo nợ của ngân hàng, thẻ TSCĐ

Kịch bản: kế toán tổng hợp tiếp nhận hóa đơn, biên bản giao nhận TSCĐ, kế toán TGNH tiếp nhận giấy báo của ngân hàng. Tiến hành ghi sổ và lập thẻ TSCĐ

Mối quan hệ của hệ thống kế toán: Kế toán tiền gửi + Kế toán tổng hợp (nhập số liệu vào máy tính)

Nghiệp vụ 06:

Ngày 12/01/2009 Bảng kê thanh toán tạm ứng của ông Nguyễn Văn Tèo, kèm hóa đơn số 031 của nhà hàng Hoàng Kim TP.HCM (tiếp khách của Ban giám đốc): 1.200.000đ

Chứng từ sử dụng: bảng thanh toán tạm ứng, hóa đơn của người bán

Kịch bản: Ông Tèo trực tiếp đến phòng kế toán công nợ để thanh toán khoản chi phí tiếp khách. Kế toán công nợ tiếp nhận chứng từ và tiến hành ghi sổ, đồng thời liên hệ với kế toán quỹ tiến hành thu hồi lại số tạm ứng chưa sử dụng hết

Mối quan hệ của hệ thống kế toán: Kế toán công nợ + kế toán quỹ + Kế toán tổng hợp (nhập số liệu vào máy tính)

Nghiệp vụ 07:

Ngày 13/01/2009 Phiếu thu số thu hồi tạm ứng sử dụng không hết của Nguyễn Văn Tèo: 300.000 đ

Chứng từ sử dụng: phiếu thu (nghiệp vụ 6 và 7 phối hợp với nhau để thực hiện)

Kịch bản: Ông Tèo trực tiếp đến phòng kế toán công nợ để thanh toán khoản chi phí tiếp khách. Kế toán công nợ tiếp nhận chứng từ và tiến hành ghi sổ, đồng thời liên hệ với kế toán quỹ tiến hành thu hồi lại số tạm ứng chưa sử dụng hết

Mối quan hệ của hệ thống kế toán: Kế toán công nợ + kế toán quỹ + Kế toán tổng hợp (nhập số liệu vào máy tính)

Nghiệp vụ 08:

Ngày 15/01/2009 Phiếu xuất kho, xuất vật liệu bao bì (TK 1528) cho phân xưởng SX (TK 6272) để đóng gói thành phẩm:

Vật liệu b.bì	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Bao bì	kg	5	15.000	75.000

Chứng từ sử dụng: phiếu yêu cầu sử dụng vật liệu bao bì của PX, phiếu XK

Kịch bản: kế toán kho tiếp nhận phiếu yêu cầu của PXSX, tiến hành lập phiếu xuất kho, và giao phiếu xuất kho cho đại diện PXSX đến kho để nhận VL bao bì

Mối quan hệ của hệ thống kế toán: Kế toán hàng tồn kho + Kế toán tổng hợp (nhập số liệu vào máy tính)

Nghiệp vụ 09:

Ngày 17/01/2009 phiếu nhập kho số Kèm biên bản kiểm định chất lượng của bộ phận KCS:

Thành phẩm	ĐVT	Số lượng	Giá kế hoạch	Thành tiền
Thành phẩm Vĩ nhựa	cái	140.000	460	64.400.000

Chứng từ sử dụng: biên bản nghiệm thu chất lượng, phiếu nhập kho

Kịch bản: đại diện PXSX đem biên bản kiểm định chất lượng sp đến gặp kế toán kho, kế toán kho tiến

hành lập phiếu nhập kho, sau đó giao lại cho đại diện 2 liên để tiến hành nhập sp vào kho (thủ ko sẽ giữ lại 1 liên)

Mối quan hệ của hệ thống kế toán: Kế toán kho + Kế toán tổng hợp (nhập số liệu vào máy tính)

Nghiệp vụ 10:

Ngày 18/01/2009 Phiếu xuất kho số Bán cho Công ty Dược (chưa thu tiền), hóa đơn số 075.

Thành phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá bán	Thành tiền
Vĩ nhựa	cái	130.000	1.100	143.000.000
Thuế GTGT 10%				14.300.000
Tổng cộng:				157.300.000

Chứng từ sử dụng: phiếu xuất kho (xuất lượng), hóa đơn, hợp đồng kinh tế (nếu có)

Kịch bản: đại diện bên mua đến phòng kế toán liên hệ mua, kế toán doanh thu viết hóa đơn, kế toán kho lập phiếu xuất kho (xuất lượng)

Mối quan hệ của hệ thống kế toán: Kế toán công nợ + kế toán doanh thu + kế toán kho + Kế toán tổng hợp (nhập số liệu vào máy tính)

Nghiệp vụ 11:

Ngày 20/01/2009 Phiếu thu số , biên bản đối chiếu công nợ. Thu nợ của công ty N: 28.200.000 đ

Chứng từ sử dụng: biên bản đối chiếu công nợ, phiếu thu

Kịch bản: đại diện công ty N đến gặp kế toán công nợ để tiến hành đối chiếu và xác nhận số nợ, sau đó liên hệ kế toán quỹ để lập phiếu thu, nộp tiền vào quỹ (nhận về 1 phiếu thu tiền)

Mối quan hệ của hệ thống kế toán: Kế toán công nợ + kế toán quỹ + Kế toán tổng hợp (nhập số liệu vào máy tính)

Nghiệp vụ 12:

Ngày 26/01/20089

***Phiếu chi số** , chi lương cho các bộ phận trong tháng (kèm bảng chấm đủ công và bảng chiết tính tiền lương của từng bộ phận sử dụng lao động): 29.500.000 đ, trong đó:

-Lương CN SXSP: 18.000.000 đ

-Lương CB Quản lý PXSX: 3.000.000 đ

-Lương bộ phận bán hàng: 4.000.000 đ

-Lương bộ phận Quản lý DN: 4.500.000 đ

***Phiếu thu số** Thu 6% BHXH, BHYT 1.770.000 đ (trong đó: 5% BHXH 3383: 1.475.000 đ, 1% BHYT 3384: 295.000 đ) người lao động nộp bằng tiền mặt khi lĩnh lương (Bảng thanh toán tiền lương, bảng phân bổ tiền lương & BHXH).

Chứng từ sử dụng: bảng chấm công, bảng chiết tính lương phải trả cho từng cá nhân của các bộ phận sử dụng lao động, phiếu chi, phiếu thu, bảng thanh toán tiền lương, bảng phân bổ tiền lương & BHXH.

Kịch bản: kế toán quỹ tiếp nhận các chứng từ trên, tiến hành kiểm tra lại tính chính xác của số liệu, lập phiếu chi, bàn giao số liệu cho kế toán tổng hợp

Mối quan hệ của hệ thống kế toán: Kế toán quỹ + Kế toán tổng hợp (nhập số liệu vào máy tính)

Nghiệp vụ 13:

Ngày 28/01/2009 Phiếu thu số Biên bản đối chiếu công nợ, thu nợ Công ty Dược: 286.000.000 đ

Chứng từ sử dụng: biên bản đối chiếu công nợ, phiếu thu

Kịch bản: đại diện công ty dược đến gặp kế toán công nợ để tiến hành đối chiếu và xác nhận số nợ, sau đó liên hệ kế toán quỹ để lập phiếu thu, nộp tiền vào quỹ (nhận về 1 phiếu thu tiền)

Mối quan hệ của hệ thống kế toán: Kế toán công nợ + kế toán quỹ + Kế toán tổng hợp (nhập số liệu vào máy tính)

Nghiệp vụ 14:

Ngày 29/01/2009 Phiếu chi số Thanh toán tiền điện theo hóa đơn số 0863 của công ty điện lực Tp.HCM:

Tiền điện sử dụng chủ yếu tại phân xưởng: giá trị dịch vụ: 3.947.500 đ

thuế GTGT 10%: 394.750 đ

Cộng: 4.342.250 đ

Chứng từ sử dụng: hóa đơn của bên bán, phiếu chi

Kịch bản: đại diện công ty điện đến thu tiền điện, kế toán quỹ lập phiếu chi chi trả tiền

Mối quan hệ của hệ thống kế toán: Kế toán quỹ + Kế toán tổng hợp (nhập số liệu vào máy tính)

Nghiệp vụ 15:

Ngày 29/01/2009 Phiếu chi số Thanh toán tiền nước theo hóa đơn số 0126 của công ty cấp nước Tp.HCM:

Tiền nước sử dụng chủ yếu tại phân xưởng: giá trị dịch vụ: 2.600.000 đ

thuế GTGT 10%: 260.000 đ

Cộng: 2.860.000 đ

Chứng từ sử dụng: hóa đơn của bên bán, phiếu chi

Kịch bản: đại diện công ty cấp nước đến thu tiền nước, kế toán quỹ lập phiếu chi chi trả tiền

Mối quan hệ của hệ thống kế toán: Kế toán quỹ + Kế toán tổng hợp (nhập số liệu)

Nghiệp vụ 16:

Ngày 30/01/2009 Phiếu xuất kho số Bán cho Công ty Dược (chưa thu tiền), hóa đơn số Mã số thuế:

Thành phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá bán	Thành tiền
Thành phẩm Vĩ nhựa	cái	5.000	1.100	5.500.000
Thuế GTGT 10%				550.000
Tổng cộng:				6.050.000

Chứng từ sử dụng: phiếu xuất kho (xuất lượng), hóa đơn, hợp đồng kinh tế (nếu có)

Kịch bản: đại diện bên mua đến phòng kế toán liên hệ mua, kế toán doanh thu viết hóa đơn, kế toán kho lập phiếu xuất kho (xuất lượng)

Mối quan hệ của hệ thống kế toán: Kế toán công nợ + kế toán doanh thu + kế toán kho + Kế toán tổng hợp (nhập số liệu vào máy tính)

Nghiệp vụ 17:

Ngày 30/01/2009 ủy nhiệm chi số, giấy báo Nợ TK TGNH (tại ngân hàng công thương) số Thanh toán tiền điện thoại cho bưu điện TP.HCM theo hóa đơn số 1246 (sử dụng chủ yếu tại bộ phận quản lý DN):

Giá trị dịch vụ: 2.000.000 đ

thuế GTGT 10%: 200.000 đ

Cộng: 2.200.000 đ

Chứng từ sử dụng: hóa đơn của bên bán, ủy nhiệm chi (bảng sao), giấy báo Nợ

Kịch bản: kế toán tiền gửi lập ủy nhiệm chi, tiếp nhận giấy báo nợ của ngân hàng về số tiền chuyển trả cho bưu điện bằng chuyển khoản tiền gửi

Mối quan hệ của hệ thống kế toán: Kế toán TGNH + Kế toán tổng hợp (nhập số liệu vào máy tính)

Nghiệp vụ 18:

Ngày 31/01/2009 Phiếu chi số, nộp thuế GTGT còn nợ tháng trước vào kho bạc nhà nước (lai thu tiền của kho bạc Tp HCM) 5.840.000 đ

Chứng từ sử dụng: phiếu chi, biên lai nhận tiền của kho bạc

Kịch bản: kế toán công nợ thông báo số nợ thuế chưa thanh toán của kỳ trước, được lệnh của kế toán trưởng kế toán quỹ lập phiếu chi, xuất tiền giao cho người đại diện (thường là thủ quỹ) tiến hành đến kho bạc nộp tiền và nhận lại biên lai sau khi hoàn tất thủ tục

Mối quan hệ của hệ thống kế toán: Kế toán quỹ + kế toán công nợ + Kế toán tổng hợp (nhập số liệu vào máy tính)

Cuối kỳ: Kế toán tổng hợp thực hiện thao tác tổng hợp số liệu trên phần mềm kế toán (theo trình tự thao tác của phần mềm).

Lưu ý: khi hoàn thành, kế toán tổng hợp phải kết xuất số liệu ra bảng tính excel các phần:

-Nhật ký chung

-Bảng cân đối số phát sinh

-Hệ thống báo cáo tài chính ... (và một số phần khác theo yêu cầu của GV)

YÊU CẦU:

Cuối tháng kế toán tổng hợp số liệu:

-Phân bổ công cụ dụng cụ (nếu có)

-Trích KH. TSCĐ

-Kết chuyển chi phí tiền lương vào các bộ phận, trình BHXH, BHYT, KPCĐ.

-Tổng hợp giá thành (giả định cuối kỳ không có sản phẩm dở dang).

-Xác định kết quả kinh doanh (chi phí bán hàng và quản lý DN phân bổ theo doanh thu bán hàng trong kỳ). Khấu trừ thuế GTGT. Thuế TNDN phải nộp tính 25%

Đối với các GV nghiệm thu:

-Theo dõi quá trình tổ chức của SV theo trình tự các nghiệp vụ kinh tế (tổ chức chứng từ, thao tác ghi sổ ... lưu ý mối quan hệ trong việc luân chuyển chứng từ và số liệu kế toán

-Nghiệm thu: phần kế toán thủ công

phần kế toán trên máy

*Số dư đầu kỳ
*Số liệu trên nhật ký chung
*Số liệu trên sổ cái TK
*Số liệu trên Bảng CĐ số PS
*Số liệu trên báo cáo TC (và một số sổ kế toán chi tiết khác)

----- Hết bài tập 01-----

KẾ TOÁN MÔ PHỎNG **(Phòng kế toán ảo – đề số: 02 01 bắt buộc)**

Công ty TNHH Thương mại Vĩnh An TP.HCM là một doanh nghiệp kinh doanh thương mại, chuyên doanh điện thoại di động.

Áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung

Phương tiện phục vụ kế toán: Phần mềm kế toán Acsoft theo QĐ số 15

Thuế GTGT thực hiện theo phương pháp khấu trừ (thuế suất 10%). Thuế suất thuế nhập khẩu 10%

Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền tức thời.

Mã số thuế: 098765432

Địa chỉ: Số 17 đường Y, Quận X, TP.HCM

Số điện thoại: 08.8889777

Tổ chức bộ máy kế toán: (05 CB làm công tác kế toán)

- 01 kế toán vốn bằng tiền & tiền vay (Tiền mặt, tiền gửi, tiền vay & tiền đang chuyển)
- 01 kế toán công nợ (nợ phải thu & nợ phải trả – chủ yếu: phải thu khách hàng, phải trả người bán & Thuê và các khoản phải nộp nhà nước) + kế toán tiền lương – BHXH, BHYT, KPCĐ
- 01 kế toán doanh thu & thu nhập, hàng tồn kho, chi phí hoạt động KD và hoạt động khác
- 01 kế toán tổng hợp kiêm kế toán chi phí SX và giá thành (xử lý các số liệu kết chuyển và xử lý số liệu trên phần mềm máy tính)
- 01 kế toán trưởng

Giả định: Giám đốc Công ty: **Nguyễn Văn Teo**

Thủ quỹ: **Nguyễn Thị Thảo**

Quản đốc PXSX: **Nguyễn Văn Thanh**

Thủ kho: **Nguyễn Thị Téo**

PHẦN I: KHAI BÁO VÀ NHẬP SỐ DƯ ĐẦU KỲ:

1.Khai báo tài khoản đồng cấp:

Nhóm 1: Nhóm TK tổng hợp: 151, 155, 1561 và các TK nhóm 5, 632, 9111

Nhóm 2: Nhóm TK giá thành: 3341, 154, 6211, 622

2.Khai báo chi tiết tài khoản:

TK 1561: Chi tiết: Mã số 01: điện thoại di động Nokia 3230
Mã số 02: điện thoại di động Nokia 6230
Mã số 03: điện thoại di động Nokia 6230i
Mã số 04: điện thoại di động N70
Mã số 05: Pin ĐTDĐ Nokia

3.Khai báo tài sản cố định hữu hình:

Loại tài sản	Bộ phận quản lý	Tách nguồn
Nhà làm văn phòng	Bộ phận quản lý DN	Không
Cửa hàng bán hàng và quảng cáo hàng hóa	Bộ phận bán hàng	Không
Xe tải nhẹ		Không
Hệ thống máy vi tính		Không
Máy kiểm định chất lượng		Không
Thiết bị phục vụ bán hàng		Không

4.Khai báo khoản mục phí:

Cấp 1	Tên cấp 1	Cấp 2	Tên cấp 2
01	Chi phí tiền lương		
02	Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ		

03	Chi phí công cụ, dụng cụ		
04	Chi phí khấu hao TSCĐ		
05	Chi phí bưu điện		
06	Chi phí điện, nước		
07	Thuế, phí, lệ phí		
08	Chi phí quảng cáo		
09	Công tác phí		
10	Chi phí khác		

5.Khai báo chế độ thuế GTGT đang áp dụng (trực tiếp hay khấu trừ)

6.Khai báo ngoại tệ USD

7.Nhập số dư đầu kỳ của các tài khoản:

Tại thời điểm 31/12/2007 có thông tin về số dư các tài khoản như sau:

-Ngày nhập dữ liệu: 01/01/2009

-Ngày nhập số dư: 31/12/2008

-TK 1111 900.000.000 đ

-TK 1121 300.000.000 đ

Chi tiết: Ngân hàng Công thương TP.HCM (Mã cấp 1: 05): 300.000.000 đ

-TK 1122 7.900.000.000 đ

Chi tiết: Ngân hàng Công thương TP.HCM (Mã cấp 1: 05):

500.000 USD, tỷ giá gốc hạch toán 15.800 đ/USD (= 7.900.000.000 VND)

-TK 007 500.000 USD (TK ngoài bảng – dư Nợ)

-TK 131 207.000.000 đ (dư Nợ), Chi tiết cho từng khách hàng:

Doanh nghiệp Thanh Bình (Mã cấp 1: 06) 80.000.000 đ

Doanh nghiệp Anh Dương (Mã cấp 1: 07) 35.000.000 đ

Doanh nghiệp Đặng Thành (Mã cấp 1: 08) 92.000.000 đ

-TK 1561

Mã	Tên NVL	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	ĐTĐĐ Nokia 3230	Cái	1000	5.700.000	5.700.000.000
02	ĐTĐĐ Nokia 6230	Cái	800	3.900.000	3.120.000.000
03	ĐTĐĐ Nokia 6230i	Cái	1.200	4.700.000	5.640.000.000
04	ĐTĐĐ Nokia N70	Cái	400	7.600.000	3.040.000.000
05	Pin ĐTĐĐ Nokia	Cái	0	0	0
Cộng:					17.500.000.000 đ

-TK 211 308.250.000 đ (dư Nợ), cụ thể:

❖ **TK 2111**

Nhà làm văn phòng (**dùng trong quản lý doanh nghiệp**): Nguyên giá **135.000.000 đ** đã khấu hao 9.000.000 đ giá trị còn lại **126.000.000 đ**, số năm dự kiến sử dụng 15 năm, đưa vào sử dụng ngày 31/12/2006, thời điểm tính khấu hao 01/01/2009. TSCĐ này hình thành từ vốn tự có của Công ty.

❖ **TK 2112**

Thiết bị bán hàng (*sử dụng tại bộ phận bán hàng*): Nguyên giá **23.250.000 đ** đã khấu hao 4.650.000 đ giá trị còn lại **18.600.000 đ**, số năm dự kiến sử dụng 05 năm, đưa vào sử dụng ngày 31/12/2006, thời điểm tính khấu hao 01/01/2009. TSCĐ này hình thành từ vốn tự có của Công ty.

❖ **TK 2113**

TSCĐ là 01 Hệ thống máy vi tính (*dùng trong quản lý doanh nghiệp*): Nguyên giá **15.000.000 đ** đã khấu hao 250.000 đ giá trị còn lại **14.750.000 đ**, số năm dự kiến sử dụng 05 năm, đưa vào sử dụng ngày 31/12/2006, thời điểm tính khấu hao 01/01/2009. TSCĐ này hình thành từ vốn tự có của Công ty.

❖ **TK 2114**

TSCĐ là máy kiểm định chất lượng Ukai (*dùng trong bán hàng*): Nguyên giá **15.000.000 đ** đã khấu hao 3.000.000 đ giá trị còn lại **12.000.000 đ**, số năm dự kiến sử dụng 05 năm, đưa vào sử dụng ngày 31/12/2006, thời điểm tính khấu hao 01/01/2009. TSCĐ này hình thành từ vốn tự có của Công ty.

❖ **TK 2118**

Cửa hàng bán hàng và quảng cáo hàng hóa (*dùng trong bán hàng*): Nguyên giá **120.000.000 đ** đã khấu hao 12.000.000 đ giá trị còn lại **108.000.000 đ**, số năm dự kiến sử dụng 10 năm, đưa vào sử dụng ngày 31/12/2006, thời điểm tính khấu hao 01/01/2009. TSCĐ này hình thành từ vốn tự có của Công ty.

-TK 2141 28.900.000 đ (dư Có)

-TK 331 (dư Có)

Công ty TNHH Thương Mại DBF TP.HCM (mã cấp 1: 09) 38.000.000 đ

-TK 4111 26.952.350.000 đ (dư Có)

-TK 4211 96.000.000 đ (dư Có)

Tổng cộng TK dư Nợ = TK dư Có = đ (Trên bảng CĐSPS)

Đầu kỳ kế toán:

Kế toán tổng hợp: Nhập các số liệu, khai báo toàn bộ hệ thống số liệu kế toán đầu kỳ vào phần mềm kế toán

PHẦN II: NHẬP SỐ PHÁT SINH TRONG KỲ: (phát sinh tháng 01/2009)

Nghiệp vụ 01:

Ngày 01/01/2009 Phiếu chi số nộp thuế GTGT của tháng trước theo thông báo thuế của Cơ quan thuế vào Kho bạc nhà nước: 9.000.000 đ

Chứng từ sử dụng: Phiếu chi, Thông báo nộp thuế của Cơ quan thuế

Kịch bản: giả định phòng kế toán tiếp nhận thông báo nộp thuế của cơ quan thuế, kế toán quỹ viết phiếu chi giao nhân viên đem tiền mặt nộp vào kho bạc (nhận về phiếu thu tiền thuế của Kho bạc). Kế toán quỹ bàn giao số liệu cho kế toán thuế và kế toán tổng hợp.

Mối quan hệ của hệ thống kế toán: Kế toán quỹ + Kế toán thuế + Kế toán tổng hợp (nhập số liệu vào máy tính)

Nghiệp vụ 02:

Ngày 02/01/2009 Phiếu xuất kho số xuất bán theo Hóa đơn số mã số thuế 098765432, bán cho Doanh nghiệp Anh Dương (chưa thu tiền):

Mã số	Hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá bán	Thành tiền
01	ĐTĐĐ Nokia 3230	cái	400	5.810.000	2.324.000.000

02	ĐTĐĐ Nokia 6230	cái	700	3.950.000	2.765.000.000
	Thuế GTGT 10%				508.900.000
	Tổng cộng:				5.597.900.000

Chứng từ sử dụng: Phiếu xuất kho, Hóa đơn, hợp đồng kinh tế (nếu có)

Kịch bản: Giả định kế toán doanh thu lập hóa đơn, bàn giao số liệu kế toán kho lập phiếu xuất kho, sau đó bàn giao số liệu về kế toán tổng hợp

Mối quan hệ của hệ thống kế toán: Kế toán Công nợ + Kế toán kho + Kế toán doanh thu + Kế toán tổng hợp (nhập số liệu vào máy tính)

Nghiệp vụ 03:

Ngày 05/01/2009: Giấy báo Có TK tiền Việt Nam gửi ngân hàng của Công ty, Doanh nghiệp Anh Dương trả tiền cho Công ty bằng chuyển khoản: 5.600.000.000đ

Chứng từ sử dụng: Giấy báo Có của ngân hàng

Kịch bản: giả định Kế toán tiền gửi tiếp nhận giấy báo Có của ngân hàng tiền hành ghi sổ, bàn giao số liệu đến kế toán công nợ, sau đó chuyển số liệu về kế toán tổng hợp

Mối quan hệ của hệ thống kế toán: Kế toán Công nợ + Kế toán tiền gửi NH + Kế toán tổng hợp (nhập số liệu vào máy tính)

Nghiệp vụ 04:

Ngày 07/01/2009:

***Phiếu nhập kho** số, nhập kho theo vận đơn số 36/BC của Công ty TNHH AQM (Tại Singapore), (thanh toán sau khi đã nhận đủ hàng hóa theo HĐ kinh tế):

Mã số	Hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá bán (USD)	Tỷ giá gốc thực tế (VND/USD)	Đơn giá đã tính qui đổi theo tỷ giá	Thành tiền
02	ĐTĐĐ Nokia 6230	cái	200	220	15.850	3.487.000	697.400.000
	Thuế NK 10% phải nộp					697.400.000 x 10%	69.740.000
	Thuế GTGT 10% phải nộp					(697.400.000 + 69.740.000) x 10%	76.714.000

***Giấy báo Nợ** TK tiền gửi ngân hàng là ngoại tệ USD Công ty trả Công ty TNHH AQM (Tại Singapore): 44.000 USD.

Chứng từ sử dụng: Vận đơn của bên bán, Biên bản kiểm nhận hàng hóa nhập kho, hợp đồng kinh tế ngoại thương (nếu có), Giấy báo Nợ của NH

Kịch bản: giả định phòng kế toán tiếp nhận vận đơn của người bán Kế toán kho tiến hành nhập kho, liên hệ bàn giao số liệu đến kế toán công nợ (người đang nắm giữ HĐKT ngoại thương) và kế toán tiền gửi NH để lập thủ tục chuyển khoản thanh toán.

Mối quan hệ của hệ thống kế toán: Kế toán Công nợ + Kế toán kho + Kế toán tiền gửi + kế toán thuế + Kế toán tổng hợp (nhập số liệu vào máy tính)

Nghiệp vụ 05:

Ngày 12/01/2009: Phiếu thu số thu nợ của Doanh nghiệp Thanh Bình 50.000.000 đ

Chứng từ sử dụng: Phiếu thu

Kịch bản: Kế toán quỹ lập phiếu thu thu tiền trực tiếp từ người đại diện của DN Thanh Bình. Sau đó chuyển giao số liệu về kế toán công nợ và kế toán tổng hợp

Mối quan hệ của hệ thống kế toán: Kế toán quỹ + Kế toán Công nợ + Kế toán tổng hợp (nhập số liệu vào máy tính)

Nghiệp vụ 06:

Ngày 12/01/2009: Phiếu chi số Công ty trả nợ cho Công ty TNHH Thương Mại DBF 35.000.000 đ

Chứng từ sử dụng: Phiếu chi của DN, phiếu thu của người bán là Công ty TNHH Thương Mại DBF

Kịch bản: Kế toán quỹ lập phiếu chi, thủ quỹ giao tiền cho người đại diện đi trả tiền cho người bán và nhận lại phiếu thu của đơn vị bán từ người đại diện này. Kế toán quỹ chuyển giao số liệu cho kế toán công nợ, sau đó chuyển số liệu về kế toán tổng hợp.

Mối quan hệ của hệ thống kế toán: Kế toán quỹ + Kế toán Công nợ + Kế toán tổng hợp (nhập số liệu vào máy tính)

Nghiệp vụ 07:

Ngày 17/01/2009 Phiếu chi số Trả tiền cho Công ty điện báo điện thoại theo hóa đơn số 0121 (sử dụng chủ yếu tại **bộ phận quản lý DN**):

-Giá trị cước dịch vụ:	2.400.000 đ
-Thuế GTGT 10%:	240.000 đ
Tổng cộng:	2.640.000 đ

Chứng từ sử dụng: Phiếu chi của DN, Hoá đơn của công ty điện bán điện thoại

Kịch bản: Kế toán quỹ lập phiếu chi, thủ quỹ giao tiền trực tiếp cho người đại diện Công ty điện báo điện thoại và nhận lại hóa đơn của bưu điện. Kế toán quỹ chuyển giao số liệu về kế toán tổng hợp.

Mối quan hệ của hệ thống kế toán: Kế toán quỹ + Kế toán tổng hợp chi phí + Kế toán tổng hợp (nhập số liệu vào máy tính)

Nghiệp vụ 08:

Ngày 19/01/2009 Giấy báo Nợ TK tiền Việt Nam gửi ngân hàng (kèm Ủy nhiệm chi của Công ty) (sử dụng chủ yếu tại **bộ phận bán hàng**), trả tiền cho Công ty điện lực TP.HCM theo hóa đơn số 0287:

-Giá trị dịch vụ đã sử dụng:	2.600.000 đ
-Thuế GTGT 10%	260.000 đ
Tổng cộng:	2.860.000 đ

Chứng từ sử dụng: Giấy báo Nợ, giấy báo của điện lực, hóa đơn tiền điện

Kịch bản: Kế toán tiền gửi lập UNC gửi đến ngân hàng để chuyển tiền thanh toán cho Công ty điện lực, Sau đó cử người đại diện đến nhận hóa đơn của Công ty điện lực. Kế toán tiền gửi chuyển giao số liệu về kế toán chi phí & kế toán tổng hợp.

Mối quan hệ của hệ thống kế toán: Kế toán tiền gửi + Kế toán tổng hợp chi phí + Kế toán tổng hợp (nhập số liệu vào máy tính)

Nghiệp vụ 09:

Ngày 21/01/2009 **Phiếu xuất kho** số xuất bán theo **hóa đơn** số (kèm theo Bảng tổng hợp tình hình bán lẻ trong ngày), **phiếu thu** số

Mã số	Hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá bán	Thành tiền
03	ĐTDD Nokia 6230i	cái	15	4.920.000	73.800.000
	Thuế GTGT 10%				7.380.000
	Tổng cộng:				81.180.000

Chứng từ sử dụng: Bảng tổng hợp tình hình bán lẻ trong ngày, Hóa đơn, phiếu thu, phiếu xuất kho.

Kịch bản: Kế toán kho lập phiếu xuất kho, Kế toán quỹ lập phiếu thu thu tiền bán hàng theo hóa đơn, sau đó chuyển giao số liệu cho kế toán doanh thu để tiến hành ghi sổ, liên hệ bàn giao số liệu về kế toán tổng hợp

Mối quan hệ của hệ thống kế toán: Kế toán quỹ + Kế toán kho + Kế toán doanh thu + Kế toán tổng hợp (nhập số liệu vào máy tính)

Nghiệp vụ 10:

Ngày 24/01/2009 Phiếu chi số trả tiền cho Công ty cấp nước TP.HCM theo hóa đơn số 0345 (sử dụng chủ yếu tại **bộ phận quản lý DN**):

-Giá trị nước đã sử dụng: 1.200.000 đ
 -Thuế GTGT 10% 120.000 đ
 Tổng cộng: 1.320.000 đ

Chứng từ sử dụng: Phiếu chi của DN, Hoá đơn của công ty cấp nước

Kịch bản: Kế toán quỹ lập phiếu chi, thủ quỹ giao tiền trực tiếp cho người đại diện Công ty cấp nước và nhận lại hóa đơn của người bán. Kế toán quỹ chuyển giao số liệu về kế toán tổng hợp.

Mối quan hệ của hệ thống kế toán: Kế toán quỹ + Kế toán tổng hợp chi phí + Kế toán tổng hợp (nhập số liệu vào máy tính)

Nghiệp vụ 11:

Ngày 27/01/2009

*Phiếu chi số , chi lương cho các bộ phận trong tháng (kèm bảng chấm công và bảng chiết tính tiền lương của từng cá nhân): 29.500.000 đ, trong đó:

-Lương bộ phận bán hàng: 22.000.000 đ
 -Lương bộ phận Quản lý DN: 7.500.000 đ

*Phiếu thu số Thu 6% BHXH, BHYT 1.770.000 đ (trong đó: 5% BHXH 3383: 1.475.000 đ, 1% BHYT 3384: 295.000 đ) người lao động nộp bằng tiền mặt khi lĩnh lương (Bảng thanh toán tiền lương, bảng phân bổ tiền lương & BHXH).

Chứng từ sử dụng: bảng chấm công, bảng chiết tính lương phải trả cho từng cá nhân của các bộ phận sử dụng lao động, phiếu chi, phiếu thu, bảng thanh toán tiền lương, bảng phân bổ tiền lương & BHXH.
Kịch bản: kế toán quỹ tiếp nhận các chứng từ trên, tiến hành kiểm tra lại tính chính xác của số liệu, lập phiếu chi, bàn giao số liệu cho kế toán tổng hợp
Mối quan hệ của hệ thống kế toán: Kế toán quỹ + Kế toán tổng hợp (nhập số liệu vào máy tính)

Nghiệp vụ 12:

Ngày 28/01/2009:

***Giấy báo Nợ** TK tiền Việt nam gửi ngân hàng, về số tiền Công ty mua 400 Trái phiếu (TK 2282), mệnh giá: 100.000 đ của Công ty TNHH Du lịch Lưu Luyến TP.HCM (tổng giá trị đã trả: 40.000.000 đ), thời hạn trái phiếu 24 tháng.

***Phiếu chi** số Trả tiền hoa hồng (TK 635) cho người môi giới theo thoả thuận 1% tính trên giá trị trái phiếu đã mua là: 400.000 đ

Chứng từ sử dụng: Giấy báo Nợ của NH, các trái phiếu, phiếu chi
Kịch bản: kế toán quỹ (TGNH & T.mặt) cất giữ các trái phiếu, tiếp nhận giấy báo của ngân hàng tiến hành ghi sổ, lập phiếu chi trả tiền hoa hồng.
Mối quan hệ của hệ thống kế toán: Kế toán quỹ (TGNH & T.mặt) + kế toán tập hợp chi phí tài chính + Kế toán tổng hợp (nhập số liệu vào máy tính)

Nghiệp vụ 13:

Ngày 29/01/2009 **Phiếu xuất kho** số xuất bán theo **hóa đơn** số Cho Doanh nghiệp Đăng Thành (tiền chưa thanh toán)

Mã số	Hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá bán	Thành tiền
04	ĐTĐĐ Nokia N70	cái	30	7.850.000	235.500.000
	Thuế GTGT 10%				23.550.000
	Tổng cộng:				259.050.000

Chứng từ sử dụng: Phiếu xuất kho, Hóa đơn, hợp đồng kinh tế (nếu có)
Kịch bản: Giả định kế toán doanh thu lập hóa đơn, bàn giao số liệu kế toán kho lập phiếu xuất kho, sau đó bàn giao số liệu về kế toán tổng hợp
Mối quan hệ của hệ thống kế toán: Kế toán Công nợ + Kế toán kho + Kế toán doanh thu + Kế toán tổng hợp (nhập số liệu vào máy tính)

Nghiệp vụ 14:

Ngày 29/01/2009 Phiếu chi số Công ty nộp thuế nhập khẩu vào kho bạc số tiền: 69.740.000 đ (tiền thuế nhập khẩu do mua hàng hóa ngày 07/01/2009)

Chứng từ sử dụng: Phiếu chi, Thông báo nộp thuế của Cơ quan thuế

Kịch bản: giả định phòng kế toán tiếp nhận thông báo nộp thuế của cơ quan thuế, kế toán quỹ viết phiếu chi giao nhân viên đem tiền mặt nộp vào kho bạc (nhận về phiếu thu tiền thuế của Kho bạc). Kế toán quỹ bàn giao số liệu cho kế toán thuế và kế toán tổng hợp.

Mối quan hệ của hệ thống kế toán: Kế toán quỹ + Kế toán thuế + Kế toán tổng hợp (nhập số liệu vào máy tính)

Nghiệp vụ 15:

Ngày 30/01/2009 Phiếu nhập kho số Mua của Công ty TNHH Thương Mại DBF theo hóa đơn số: 1256 của Công ty TNHH TM DBF (tiền chưa thanh toán)

Mã số	Hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá bán	Thành tiền
05	Pin ĐTDĐ Nokia	cái	300	60.000	18.000.000
	Thuế GTGT 10%				1.800.000
	Tổng cộng:				19.800.000

Chứng từ sử dụng: Phiếu nhập kho, biên bản kiểm nhận hàng hóa

Kịch bản: Giả định kế toán kho tiếp nhận biên bản kiểm nhận hàng hóa, tiến hành lập phiếu nhập kho. Sau đó bàn giao số liệu về kế toán công nợ & Kế toán tổng hợp.

Mối quan hệ của hệ thống kế toán: Kế toán kho + Kế toán Công nợ + Kế toán tổng hợp (nhập số liệu vào máy tính)

Nghiệp vụ 16:

Ngày 31/01/2009 Phiếu xuất kho số Theo Hóa đơn số Bán cho Doanh nghiệp Thanh Bình (tiền chưa thanh toán):

Mã số	Hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá bán	Thành tiền
05	Pin ĐTDĐ Nokia	cái	150	75.000	11.250.000
	Thuế GTGT 10%				1.125.000
	Tổng cộng:				12.375.000

Chứng từ sử dụng: Phiếu xuất kho, Hóa đơn, hợp đồng kinh tế (nếu có)

Kịch bản: Giả định kế toán doanh thu lập hóa đơn, bàn giao số liệu kế toán kho lập phiếu xuất kho, sau đó bàn giao số liệu về kế toán tổng hợp

Mối quan hệ của hệ thống kế toán: Kế toán Công nợ + Kế toán kho + Kế toán doanh thu + Kế toán tổng hợp (nhập số liệu vào máy tính)

Nghiệp vụ 17:

Ngày 31/01/2009: Kiểm kê số lượng USD tồn quỹ trên TK 007, đánh giá lại tỷ giá theo tỷ gốc thực tế giá ngân hàng công bố cuối kỳ (cuối tháng 01/2009): 16.100đ/USD

Chứng từ sử dụng: /

Kịch bản: Cuối kỳ kế toán tiền gửi NH là ngoại tệ kiểm soát lại số lượng ngoại tệ tiền hành điều chỉnh lại theo tỷ giá gốc thực tế được ngân hàng công bố vào cuối kỳ, sau đó bàn giao số liệu về kế toán tổng hợp.

Mối quan hệ của hệ thống kế toán: Kế toán TGNH + Kế toán tổng hợp (nhập số liệu vào máy tính)

Cuối kỳ: Kế toán tổng hợp thực hiện thao tác tổng hợp số liệu trên phần mềm kế toán (theo trình tự thao tác của phần mềm).

Lưu ý: khi hoàn thành, kế toán tổng hợp phải kết xuất số liệu ra bảng tính excel các phần:

- Nhật ký chung
- Bảng cân đối số phát sinh
- Hệ thống báo cáo tài chính ... (và một số phần khác theo yêu cầu của GV)

YÊU CẦU:

Cuối tháng kế toán tổng hợp số liệu:

- Trích KH. TSCĐ
- Kết chuyển chi phí tiền lương vào các bộ phận, tránh BHXH, BHYT, KPCĐ.
- Tổng hợp giá thành (nếu có).
- Xác định kết quả kinh doanh (K/C Chi phí QLDN & CPBH). **Khấu trừ thuế GTGT. Tính thuế**

TNDN phải nộp 25% (nếu Công ty KD có lãi).

Đối với các GV nghiệm thu:

-Theo dõi quá trình tổ chức của SV theo trình tự các nghiệp vụ kinh tế (tổ chức chứng từ, thao tác ghi sổ ... lưu ý mối quan hệ trong việc luân chuyển chứng từ và số liệu kế toán

-Nghiệm thu: phần kế toán thủ công
phần kế toán trên máy

*Số dư đầu kỳ

*Số liệu trên nhật ký chung

*Số liệu trên sổ cái TK: 511, 515, 635, 641, 642, 911, 421

*Số liệu trên Bảng CĐ số PS

*Số liệu trên báo cáo TC (và một số sổ kế toán chi tiết khác)

----- Hết bài số 02 -----

KẾ TOÁN MÔ PHỎNG

(Phòng kế toán ảo – đề số: 03 bắt buộc)

MỘT SỐ LƯU Ý TRƯỚC KHI LÀM BÀI:

➤ **Khai báo nhóm tài khoản đồng cấp:**

Nhóm 1: Nhóm TK tổng hợp: 151, 155, 1561 và các TK nhóm 5, 632, 9111

Nhóm 2: Nhóm TK giá thành: 3341, 154, 6211, 622

➤ **Khai báo Tài sản cố định:**

Loại tài sản	Bộ phận quản lý	Tách nguồn
-Nhà cửa, vật kiến trúc	-Phòng giám đốc	Không
-Máy móc thiết bị	-Phòng kế toán	Không
-Phương tiện VT, truyền dẫn	-Phòng kỹ thuật	Không
-Thiết bị, dụng cụ quản lý	-Bộ phận SX	Không
-Tài sản cố định khác		Không

➤ **Khoản mục chi phí:**

Mã cấp 1	Tên cấp 1	Mã cấp 2	Tên cấp 2	Mã cấp 3	Tên cấp 3
1	Chi phí tiền lương				
2	Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ				
3	Chi phí KH.TSCĐ				
4	Chi phí văn phòng phẩm				
5	Chi phí bưu điện				
6	Chi phí điện, nước				
7	Thuế, phí, lệ phí				
8	Chi phí khác				

ĐỀ BÀI TẬP THỰC HÀNH

Tên đơn vị: Công ty sản xuất thương mại Triều Phú

Ap dụng hình thức sổ kế toán theo Nhật ký chung.

Phương tiện phục vụ kế toán: Phần mềm kế toán Acsoft theo QĐ số 15

Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, sử dụng phương pháp giá vốn bình quân gia quyền tức thời.

Thực hiện chế độ thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thời gian: Niên độ làm việc: **01/01/2009**

Ngày nhập sổ dư đầu kỳ: **31/12/2008**

Tổ chức bộ máy kế toán: (05 CB làm công tác kế toán)

- 01 kế toán vốn bằng tiền & tiền vay (Tiền mặt, tiền gửi, tiền vay & tiền đang chuyển)
- 01 kế toán công nợ (nợ phải thu & nợ phải trả – chủ yếu: phải thu khách hàng, phải trả người bán & Thuế và các khoản phải nộp nhà nước) + kế toán tiền lương – BHXH, BHYT, KPCĐ
- 01 kế toán doanh thu & thu nhập, chi phí hoạt động KD và hoạt động khác, hàng tồn kho.
- 01 kế toán tổng hợp kiêm chi phí SX và giá thành (xử lý các số liệu kết chuyển và xử lý số liệu trên phần mềm máy tính)
- 01 kế toán trưởng

Giả định: Giám đốc Công ty: **Nguyễn Văn Tiên**

Thủ quỹ: **Nguyễn Thị Tiên**

Quản đốc PXSX: **Nguyễn Văn Tiên**

Thủ kho: **Nguyễn Thị Tiên**

A.SỔ DƯ CÁC TÀI KHOẢN Ở THỜI ĐIỂM 01/01/2009:

1.Tài khoản 1111: 200.000.000 VNĐ

2.Tài khoản 1121, chi tiết gồm:

- Ngân hàng Eximbank: 50.000.000 VNĐ
- Ngân hàng VIB: 80.000.000 VNĐ

3.Tài khoản 131 (dư Nợ)

-Khu vực TP,HCM:

- Công ty TNHH Hiếu Long: 30.000.000 VNĐ

-Khu vực Đồng Nai:

- Công ty TNHH SX & TM HCM: 100.000.000 VNĐ

4.Tài khoản 141:

-Phòng Tài vụ:

- Trần Thanh Sơn: 1.000.000 VNĐ

5.Tài khoản 1521:

- Da: 800 mét x 170.000 VNĐ/mét
- Vải: 180 mét x 150.000 VNĐ/mét
- Keo: 200 hộp x 35.000 VNĐ/hộp
- Chỉ: 300 cuộn x 10.000 VNĐ/cuộn

6.Tài khoản 154:

- Sản phẩm giày Nam: /
- Sản phẩm giày Nữ: /

7.Tài khoản 155:

- Thành phẩm giày Nam: 500 đôi x 350.000 VNĐ/đôi
- Thành phẩm giày Nữ: 200 đôi x 505.000 VNĐ/đôi

8.Tài khoản 2118:

Chi tiết máy Photocopy, đưa vào sử dụng ngày 25/12/2006 tại bộ phận văn phòng (phòng kế toán), biết TSCĐ này từ lúc mua về đến nay DN chưa tính khấu hao:

Nguyên giá: 25.000.000 VNĐ, thời gian khấu hao: 5 năm

9. Tài khoản 331 (dư Có):

□ Công ty Cổ phần Anh Dương:	120.000.000 VNĐ
□ Công ty Long Giang:	80.000.000 VNĐ

10. Tài khoản 4111:

□ Vốn đầu tư chủ sở hữu:	735.000.000 VNĐ
--------------------------	-----------------

B. NGHIỆP VỤ KINH TẾ PHÁT SINH TRONG THÁNG 01/2009 NHƯ SAU:

Nghiệp vụ 1:

Theo phiếu thu số 01/PT ngày 02/01/2009, thu nợ anh Lê Thanh Hải thuộc Doanh nghiệp Hiếu Long số tiền 30.000.000 VNĐ.

Nghiệp vụ 2:

Theo phiếu chi số 01/PC ngày 05/01/2009 tạm ứng cho Nguyễn Thế Tài, nhân viên phòng kế toán đi công tác 500.000 VNĐ.

Nghiệp vụ 3:

Theo phiếu chi số 02/PC ngày 09/01/2009 Người nhận tiền: Nguyễn Thanh (CB thu tiền điện) thanh toán tiền điện (sử dụng chủ yếu tại PXSX) cho Công ty điện lực TP.HCM với tổng số tiền 1.100.000 VNĐ, trong đó:

Tiền điện: 1.000.000 VNĐ

Thuế GTGT (thuế suất 10%) 100.000 VNĐ

Theo hóa đơn số 0098756, số seri AQ/2003N. MST: 0302354796.

Nghiệp vụ 4:

Căn cứ vào giấy báo Nợ của ngân hàng Eximbank theo số chứng từ 01/BN ngày 10/01/2009, thanh toán khoản tiền mua hàng cho Công ty cổ phần Anh Dương số tiền 50.000.000 VNĐ.

Nghiệp vụ 5:

Căn cứ vào giấy báo Có của ngân hàng VIP theo chứng từ số 01/BC, ngày 15/01/2009, nhận tiền thanh toán tiền hàng của Công ty TNHH SX & TM HCM số tiền 80.000.000 VNĐ.

Nghiệp vụ 6:

Theo phiếu chi số 03/PC ngày 16/01/2009 thanh toán tiền mua máy may 2 kim Kansai cho bộ phận sản xuất với số tiền là 13.200.000 VNĐ, trong đó:

Nguyên giá trị của máy là 12.000.000 VNĐ

VAT (10%) 1.200.000 VNĐ

Theo hóa đơn số 005789 ngày 16/01/2009, số seri QT/2003/T – MST: 000000899. Tài sản này được trích khấu hao trong 06 năm.

Nghiệp vụ 7:

Ngày 11/01/2009 xuất kho 80 cuộn chỉ để sản xuất giày Nam theo phiếu xuất kho số 01/PX (kèm giấy đề nghị xuất kho của PXSX).

Nghiệp vụ 8:

Ngày 11/01/2009 xuất kho 100 mét vải để sản xuất giày Nữ theo phiếu xuất kho số 02/PX (kèm giấy đề nghị xuất kho của PXSX).

Nghiệp vụ 9:

Ngày 12/01/2009 xuất kho nguyên vật liệu để sản xuất giày Nữ theo phiếu xuất kho số 03/PX (kèm giấy đề nghị xuất kho của PXSX), chi tiết:

Nguyên liệu	Số lượng
Da	500
Keo	80
Chỉ	120

Nghiệp vụ 10:

Ngày 12/01/2009 xuất kho nguyên vật liệu để sản xuất giày Nam theo phiếu xuất kho số 04/PX (kèm giấy đề nghị xuất kho của PXSX), chi tiết như sau:

Nguyên liệu	Số lượng
Da	200
Vải	80
Keo	40

Nghiệp vụ 11:

UNC số 01, giấy báo Nợ số 15/BN (ngân hàng VIB) ngày 16/01/2009 thanh toán tiền nước (sử dụng chủ yếu cho bộ phận bán hàng) cho Công ty cấp nước TP.HCM với tổng số tiền 990.000 VNĐ, trong đó:

Tiền nước: 900.000 VNĐ

Thuế GTGT (thuế suất 10%) 90.000 VNĐ

Theo hóa đơn số 00087, số seri AQ/2003N. MST: 000003579.

Nghiệp vụ 12:

Ngày 19/01/2009 nhập kho thành phẩm theo phiếu nhập kho số 02/PN (kèm BB đánh giá chất lượng của bộ phận KCS), chi tiết:

Mặt hàng	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá tạm tính
Giày Nam	Đôi	300	200.000 VNĐ
Giày Nữ	Đôi	340	450.000 VNĐ

Nghiệp vụ 13:

Ngày 20/01/2009 xuất hóa đơn GTGT số 045379, số seri QH/2004N xuất bán cho Công ty Giày An Giang tại khu vực TP.HCM (chưa thu tiền), chi tiết:

Mặt hàng	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá chưa có VAT (10%)
Giày Nam	Đôi	200	370.000 VNĐ
Giày Nữ	Đôi	150	480.000 VNĐ

Nghiệp vụ 14:

Phiếu chi số 04/PC ngày 31/01/2009 (Người đại diện nhận tiền: Nguyễn Thị Tiên) số tiền là **70.000.000 VNĐ**, trong đó chi lương Công nhân trực tiếp sản xuất 33.000.000 VNĐ (trong đó: thành phẩm **giày Nam là 20.000.000 VNĐ, giày Nữ là 13.000.000 VNĐ**), bộ phận sản xuất chung (**PXSX**) **17.000.000 VNĐ**, bộ phận **bán hàng 10.000.000 VNĐ**, bộ phận **quản lý DN 10.000.000 VNĐ**.

Phiếu thu số 02/PT: thu bảo hiểm XH 5%, BHYT 1% do người lao động nộp theo qui định (Người đại diện thu tiền: Nguyễn Thị Tiên) .

Nghiệp vụ 15:

Ngày 31/01/2009 xuất hóa đơn GTGT số 045380, số seri QH/2004N xuất bán cho Công ty TNHH Hiếu Long (người mua: anh Lê Thanh Hải), Phiếu thu số 03/PT.chi tiết:

Mặt hàng	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá chưa có VAT (10%)
Giày Nam	Đôi	100	370.000 VNĐ
Giày Nữ	Đôi	100	480.000 VNĐ

YÊU CẦU:

- 1.Khai báo chi tiết và nhập số dư đầu tháng 01/2009 cho các tài khoản.
- 2.Nhập các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán tháng 01/2009.
- 3.Thực hiện các bút toán tổng hợp:
 - Trích khấu hao TSCĐ tháng 01/2009
 - Kế toán lương và BHXH:
 - Lương trực tiếp (CNSX) (kết chuyển)
 - Lương phân xưởng (quản lý SX) (kết chuyển)
 - Lương bán hàng (kết chuyển)
 - Lương bộ phận quản lý (kết chuyển), và
 - Trích BHXH, BHYT, KPCĐ 19%
 - Tổng hợp giá thành:
 - NVL chính (kết chuyển)
 - Chi phí nhận công (kết chuyển)
 - Chi phí chung (phân bổ theo CP VL chính)
 - Giá thành nhập kho (tính theo phương pháp tùy chọn)
 - Xác định kết quả HĐKD:
 - Chi phí bán hàng (phân bổ theo chi phí là GVHB)
 - Chi phí quản lý (quản lý DN) (phân bổ theo chi phí là GVHB)
 - Xác định kết quả lãi (hoặc lỗ) của hoạt động KD
- 4.Khấu trừ thuế GTGT (TK1331, TK1332 với TK 33311)
- 5.Tính thuế TNDN 25% vào chi phí thuế TNDN hiện hành (tính trên lợi nhuận thực tế, nếu có), thực hiện Kết chuyển lãi - lỗ cuối tháng 01/2009.

----- Hết bài số 03 -----

Đơn vị:.....
Địa chỉ:.....

PHIẾU THU

Ngày tháng năm

Quyển số:

Số:

Nợ:

Có:

Họ tên người nộp tiền:.....

Địa chỉ:.....

Lý do nộp:.....

Số tiền:.....(Viết bằng chữ):.....

.....

Kèm theo:.....chứng từ gốc

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):.....

.....

Ngày tháng năm

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

PHIẾU CHI

Quyển số:

Ngày tháng năm

Số:

Nợ:

Có:

Họ tên người nhận tiền:.....

Địa chỉ:.....

Lý do chi:.....

Số tiền:.....(Viết bằng chữ):.....

.....

Kèm theo:.....chứng từ gốc

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):.....

Ngày tháng năm

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

ỦY NHIỆM CHI		Số:	
		Ngày:.....	
Số tiền bằng số:	
Số tiền bằng chữ:		<input type="checkbox"/> <i>Phí trong</i> Phí NH: <input type="checkbox"/> <i>Phí ngoài</i>	
Nội dung:			
Đơn vị/Người yêu cầu: Số CMT: Ngày cấp: Nơi cấp: Số TK: Tại ngân hàng:	Đơn vị/Người hưởng: Số CMT: Ngày cấp: Nơi cấp: Số TK: Tại ngân hàng:		
Phần dành cho ngân hàng:			
Kế toán trưởng	Chủ tài khoản	NGÂN HÀNG GỬI Giao dịch viên Kiểm soát	NGÂN HÀNG NHẬN Giao d.viên K. soát

BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ

Hôm nay ngày: Công nợ phải thu (phải trả):

Chúng tôi gồm có:

Bên A: (Tên Công ty):

- Ông (bà): Chức

vụ:

- Ông (bà): Chức

vụ:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax:

- Tài khoản:

Bên B: (Tên Công ty):

- Ông (bà): Chức

vụ:

- Ông (bà): Chức

vụ:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax:

Số công nợ đến hạn phải thu (phải trả) kỳ này:

Cùng nhau tiến hành đối chiếu tình hình mua bán và thanh toán, xác nhận số công nợ đến hạn thanh toán giữa hai bên.

Đại diện bên A
(ký, họ tên)

Đại diện bên B
(ký, họ tên)

GIẤY BÁO CỐ

Số:
Ngày:

Số tài khoản:

Tên tài khoản:

Kính gửi:

Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của quý khách hàng đã được ghi “**Cố**” với nội dung sau:

Ngày hiệu lực	Số tiền	Loại tiền	Diễn giải
Giao dịch viên (Ký, Họ tên)		Kiểm soát (Ký, Họ tên)	Giám đốc (Ký, Họ tên)

GIẤY BÁO NỢ

Số:
Ngày:

Số tài khoản:
Tên tài khoản:

Kính gửi:

Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của quý khách hàng đã được ghi "**Nợ**" với nội dung sau:

Ngày hiệu lực	Số tiền	Loại tiền	Diễn giải
Giao dịch viên (Ký, Họ tên)		Kiểm soát (Ký, Họ tên)	Giám đốc (Ký, Họ tên)

GIẤY ĐỀ NGHỊ XUẤT KHO

Kính gửi: Giám đốc

Công ty

Hôm nay, ngày: tháng:..... năm:

Căn cứ kế hoạch sản xuất sản phẩm (hay phục vụ quản lý phân xưởng):
..... trong tháng

Yêu cầu xuất:

-Nguyên vật liệu (VL chính, VL phụ, nhiên liệu, PPTT,):

1.Tên NVL: Số lượng: theo kế hoạch:,
theo yêu cầu thực tế:

Mục đích sử dụng: Sản xuất SP Phục vụ QL PXSX

2.Tên NVL: Số lượng: theo kế hoạch:,
theo yêu cầu thực tế:

Mục đích sử dụng: Sản xuất SP Phục vụ QL PXSX

3.Tên NVL: Số lượng: theo kế hoạch:,
theo yêu cầu thực tế:

Mục đích sử dụng: Sản xuất SP Phục vụ QL PXSX

.....
.....

-Công cụ, dụng cụ:

1.Tên CCDC: Số lượng: theo kế hoạch:,
theo yêu cầu thực tế:

2.Tên CCDC: Số lượng: theo kế hoạch:,
theo yêu cầu thực tế:

3.Tên CCDC: Số lượng: theo kế hoạch:,
theo yêu cầu thực tế:

.....
.....

Ngày tháng năm

Người lập phiếu đề nghị
(Ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận SX
Quản đốc PX
(Ký, họ tên)

Duyệt của Giám đốc
(Ký, họ tên)

GIẤY THANH TOÁN TIỀN TẠM ỨNG

Ngày tháng năm

Số:

Họ tên người thanh toán:.....

Nợ:

Địa chỉ:.....

Có:.....

Số tiền tạm ứng được thanh toán theo bảng dưới đây:

Diễn giải	Số tiền
A	B
I. Số tiền tạm ứng:	
1. Số tạm ứng các đợt trước chưa chi hết	
2. Số tiền kỳ này	
Phiếu ghi số ngày	
Phiếu ghi số ngày	
II. Số tiền đã chi:	
1. Chứng từ số ngày	
2.	
3.	
4.	
III. Chênh lệch:	
1. Số tạm ứng chi không hết (I - II)	
2. Chi quá tạm ứng (II - I)	

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Kế toán thanh toán

Người thanh toán

Đơn vị:.....

Địa chỉ:

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Ngày tháng năm Số:

Kính gửi:.....

Tên tôi là:.....

Địa chỉ:.....

Đề nghị cho tạm ứng số tiền: (Viết bằng chữ):.....

.....

Lý do tạm ứng:.....

Thời hạn thanh toán:.....

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Phụ trách bộ phận Người đề nghị tạm ứng

Đơn vị :

Địa chỉ :

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM

(Vật tư, sản phẩm, hàng hoá)

Ngày Tháng Năm

Số :

- Căn cứ Số Ngày Tháng Năm

Của

- Ban kiểm nghiệm gồm:

Ông, bà Trưởng ban

Ông, bà Ủy viên

Ông, bà Ủy viên

- Đã kiểm nghiệm các loại:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hoá)	Mã số	Đơn vị tính	Phương thức kiểm nghiệm	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm	
						Số lượng đúng quy cách, phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất
A	B	C	D	E	1	2	3

Ý kiến của ban kiểm nghiệm:

Đại diện kỹ thuật

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(ky, họ tên)

Trưởng ban

(ký , họ tên)